

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc chấp hành các quy định của pháp luật
về thực hiện nhiệm vụ và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí
tại Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam

Thực hiện Quyết định số 260/QĐ-SNNPTNT ngày 08/07/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nhiệm vụ và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam,

Xét báo cáo Kết quả thanh tra số 60/BC-ĐTT ngày 26/9/2019 của Trưởng Đoàn thanh tra, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy

Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Ninh Phước được thành lập theo Quyết định số 650/CT ngày 08/03/1996 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc tổ chức lại Lâm trường Ninh Phước thành Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Ninh Phước trực thuộc Sở Nông Lâm (nay là Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận). Hiện nay, Ban quản lý rừng PHVB Ninh Phước được đổi tên thành Ban quản lý rừng PHVB Thuận Nam (gọi tắt là Ban quản lý rừng) theo Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Theo Quyết định số 74/2016/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh, với chức năng, nhiệm vụ chính là công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng trên toàn bộ diện tích lâm phần đã được UBND tỉnh giao; Thực hiện các dự án của Nhà nước đầu tư phát triển kinh tế lâm nghiệp trên địa bàn huyện Thuận Nam. Hàng năm thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng theo chỉ tiêu kế hoạch và nguồn vốn phân bổ của tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện về mặt chính quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam;

Tổng số cán bộ, viên chức của đơn vị hiện nay là 23 người/biên chế được giao 23 chỉ tiêu, trong đó, Ban Lãnh đạo 02 người, 01 Trưởng ban và 01 Phó trưởng ban; Các phòng nghiệp vụ 10 người, Phòng Tổ chức hành chính tổng hợp: 03 người, phòng Kỹ thuật: 06 người và phòng quản lý bảo vệ rừng: 01 người; Các trạm QLBR: 11 người, Trạm QLBR Bầu Ngủ: 06 người, trạm QLBR Thơm Tàu: 04 người.

2. Về kinh phí thực hiện

Trong ba năm 2016-2018 nguồn kinh phí Ban quản lý rừng được giao gồm:

- Nguồn vốn sự nghiệp (kinh phí tự chủ và không tự chủ) với tổng số tiền là 11.025.153.341 đồng, trong đó: năm 2016: 2.564.596.123 đồng và năm 2017: 3.026.024.712 đồng, năm 2018 : 5.434.532.506 đồng.

- Nguồn Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững (XDCB) năm 2016: 192.294.195 đồng.

- Nguồn vốn luân chuyển cây giống (thuộc dự án 327 năm 1998 chuyển tiếp): 110.000.000 đồng.

- Nguồn kinh phí thực hiện các dự án trồng rừng, chăm sóc rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng với tư cách là nhà thầu với tổng số tiền là 25.557.882.419 đồng, trong đó năm 2015 chuyển sang 1.457.734.742 đồng, năm 2016 là 4.819.867.224 đồng ; năm 2017 là 8.836.948.283 đồng; năm 2018 là 10.443.332.170 đồng.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2016 - 2018

1. Công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng

1.1. Công tác tuyên truyền PCCC rừng:

Trong 03 năm 2016-2018, đơn vị đã chủ động phối hợp cùng Hạt Kiểm lâm và UBND các xã trên lâm phần quản lý tổ chức tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng trong nhân dân với tổng số 35 đợt/525 lượt người tham gia. Vận động 103 hộ dân có chuồng trại chăn nuôi gia súc gần rừng và trong rừng thực hiện ký cam kết BVR và PCCC rừng, không vi phạm các quy định pháp luật về lâm nghiệp.

1.2. Công tác quản lý đất lâm nghiệp, chống phá rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng:

- Hàng năm, Ban Quản lý rừng có xây dựng Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng với sự thẩm định, phê duyệt của Hội đồng thẩm định gồm Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục Kiểm lâm, Sở Tài chính, Công an tỉnh và BCH Quân sự tỉnh. Trong 03 năm 2016-2018, đơn vị đã tổ chức 48 đợt/588 lượt người tham gia tuần tra, kiểm tra, truy quét chống phá rừng.

- Đơn vị đã tổ chức phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị chức năng liên quan tổ chức nhiều đợt tuần tra kiểm soát bảo vệ rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp. Kết quả truy quét chống phá rừng, đơn vị đã lập hồ sơ, biên bản chuyển giao Hạt Kiểm lâm Thuận Nam xử lý 42 vụ việc (42 Bảng thống kê thu thập tài liệu, tang vật). Tạm giữ, tịch thu các tang vật gồm: 35 xe mô tô, 01 xe ô tô tải, 01 xe ba gác máy, 02 máy cưa xăng; 1.074 kg than hầm; 0,966 m³ gỗ xẻ; 0,273 ster củi; 12 cây Thiên tuế, 26 cây Huyết giác, 02 cây Bằng lăng, 02 gốc Mai rừng; 35 kg Trắc khô, 01 gốc Bồ đề 65 kg; 02 gốc cây khô 31 kg.

2. Công tác giao khoán bảo vệ rừng theo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững

2.1. Thực hiện chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững:

- Ban Quản lý rừng đã hỗ trợ cấp 25.000 cây giống Phi lao trồng cây phân tán kế hoạch 2016 cho các đơn vị: BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh, Lữ đoàn Đặc công 5, Công an huyện Ninh Hải và hộ dân trên địa bàn các xã Phước Dinh, Phước Minh, Phước Thuận.

- Trong 03 năm 2016-2018, thực hiện quyết định của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán hạng mục công trình lâm sinh giao khoán BVR, Ban Quản lý rừng đã tổ chức thực hiện giao khoán BVR cho các nhóm cộng đồng và lực lượng vũ trang, cụ thể như sau:

STT	Đơn vị nhận khoán	Số hợp đồng	Thời gian nhận khoán	Diện tích (ha)
I. Năm 2016: tổng số 2.495,4 ha				
1	Phòng An ninh kinh tế- Công an tỉnh	03/HĐBVR-BQLRPHVBTN	12 tháng	493,6
2	Công an huyện Thuận Nam	01/HĐBVR-BQLRPHVBTN	12 tháng	547,4
3	Đồn Biên phòng Sơn Hải	02/HĐBVR-BQLRPHVBTN	12 tháng	467,1
4	BCH Quân sự huyện Thuận Nam	04/HĐBVR-BQLRPHVBTN	12 tháng	705,5
5	Nhóm cộng đồng thôn Phước Lập	05/HĐBVR-BQLRPHVBTN	12 tháng	278,7
II. Năm 2017: tổng số 4.161,6 ha				
1	Phòng An ninh kinh tế- Công an tỉnh	01/HĐBVR-BQLRPHVBTN	07 tháng	493,6
2	Công an huyện Thuận Nam	02/HĐBVR-BQLRPHVBTN	10 tháng	547,4
3	Đồn Biên phòng Sơn Hải	03/HĐBVR-BQLRPHVBTN	07 tháng	467,1
4	BCH Quân sự huyện Thuận Nam	05/HĐBVR-BQLRPHVBTN	07 tháng	705,5
5	Nhóm cộng đồng thôn Phước Lập	04/HĐBVR-BQLRPHVBTN	12 tháng	278,7
6	Nhóm cộng đồng xã Phước Minh	06/HĐBVR-BQLRPHVBTN	03 tháng	705,5
7	Nhóm cộng đồng xã Phước Diêm	07/HĐBVR-BQLRPHVBTN	1,5 tháng	467,1
8	Nhóm cộng đồng xã Phước Nam	08/HĐBVR-BQLRPHVBTN	03 tháng	493,6
III. Năm 2018: tổng số 3.375 ha				
1	Phòng Tham mưu- Công an tỉnh	13/HĐBVR-	09 tháng	465

		BQLRPHVBTN		
2	Công an huyện Thuận Nam	06/HĐBVR- BQLRPHVBTN	12 tháng	763
3	Nhóm cộng đồng thôn Phước Lập 1	02/HĐBVR- BQLRPHVBTN	12 tháng	533
4	Nhóm cộng đồng thôn Phước Lập 2	03/HĐBVR- BQLRPHVBTN	12 tháng	450
5	Nhóm cộng đồng thôn Thương Diêm	04/HĐBVR- BQLRPHVBTN	12 tháng	467
6	Nhóm cộng đồng thôn Lạc Tiến	05/HĐBVR- BQLRPHVBTN	12 tháng	697

2.2. Kết quả giao khoán BVR gắn với mô hình sinh kế:

Thông qua nhận khoán BVR, 66 hộ dân trong 04 nhóm cộng đồng thôn Phước Lập 1, Phước Lập 2, Thương Diêm và Lạc Tiến đã thống nhất trích 60% kinh phí, số tiền 200.879.000 đồng đầu tư mô hình sinh kế cộng đồng với hình thức mua 124 con gia súc, gồm 108 con dê, 11 con cừu và 05 con bò để chăn nuôi sinh sản, phát triển kinh tế gia đình. Đến nay số lượng đã tăng lên 141 con, gồm 118 con dê, 18 con cừu và 05 con bò.

3. Công tác phát triển rừng

Trong các năm 2016, 2017 và 2018, Ban quản lý rừng là nhà thầu đã thực hiện các hợp đồng trồng rừng, chăm sóc rừng; khoanh nuôi, tái sinh rừng tự nhiên với Ban quản lý Dự án Jica2 tỉnh Ninh Thuận, Ban quản lý Dự án SP-RCC tỉnh Ninh Thuận và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; bảo vệ vườn giống; gieo ươm và bán cây giống cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu, cụ thể như sau:

3.1. Hoạt động trồng rừng, chăm sóc rừng; khoanh nuôi, tái sinh rừng tự nhiên Hợp đồng với Ban quản lý Dự án Jica2 tỉnh Ninh Thuận:

Ban quản lý rừng thực hiện 04 hợp đồng trồng và chăm sóc rừng với diện tích là 441,8ha và 01 hợp đồng khoanh nuôi, tái sinh rừng tự nhiên với diện tích là 660ha; đã thực hiện, nghiệm thu và được chủ đầu tư thanh toán trong giai đoạn 2016-2018 với diện tích trồng và chăm sóc rừng là 405ha và diện tích khoanh nuôi, tái sinh rừng tự nhiên là 660ha.

3.2. Hoạt động trồng rừng, chăm sóc rừng; khoanh nuôi, tái sinh rừng tự nhiên Hợp đồng với Ban quản lý Dự án SP-RCC tỉnh Ninh Thuận:

Ban quản lý rừng thực hiện 05 hợp đồng trồng và chăm sóc rừng với diện tích là 282,67ha và 01 hợp đồng khoanh nuôi, tái sinh rừng tự nhiên với diện tích là 608,17ha; đã thực hiện, nghiệm thu và được chủ đầu tư thanh toán trong giai đoạn 2016-2018 với diện tích trồng và chăm sóc rừng là 195,23ha và diện tích khoanh nuôi, tái sinh rừng tự nhiên là 608,17ha .

3.3. Hoạt động trồng rừng thay thế Hợp đồng với Quỹ Bảo vệ và PTR tỉnh:

Ban quản lý rừng thực hiện ký hợp đồng với Quỹ Bảo vệ và PTR tỉnh diện tích 25ha, đã thực hiện, nghiệm thu trồng và chăm sóc rừng giai đoạn 2016-

2018 với diện tích 25 ha.

3.4. Hoạt động chăm sóc, bảo vệ vườn giống, gieo ươm cây giống:

Ban quản lý rừng thực hiện hợp đồng bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng với diện tích 20 ha rừng giống do Phân viện Lâm nghiệp miền Nam giao khoán bảo vệ với tổng giá trị hợp đồng qua các năm là 86.720.000đồng.

Ngoài ra, đơn vị có tổ chức gieo ươm và bán cây giống thanh thất, trong thời gian qua, đơn vị đã bán với số tiền 41.700.000đồng.

Qua kiểm tra thực tế ngẫu nhiên một số diện tích trồng rừng của các dự án tại Ban quản lý rừng PHVB Thuận Nam cho thấy:

* Đối với dự án Jica2: Đoàn thanh tra thực hiện kiểm tra tại các tiểu khu: Tiểu khu 201b xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam; Tiểu khu 200a, 200b - xã Phước Nam và tiểu khu 201b - xã Phước Dinh; Tiểu khu 200c và tiểu khu 201b; Qua kiểm tra tại thực địa cho thấy đơn vị đã thực hiện trồng đúng vị trí, loài cây theo thiết kế. Hiện tại cây sinh trưởng, phát triển bình thường. Tỷ lệ sống trung bình khi kiểm tra 03 ô tiêu chuẩn là 95,5%.

* Đối với dự án SP-RCC: Đoàn thanh tra thực hiện kiểm tra tại các tiểu khu: Tiểu khu 213 - xã Phước Diêm; tiểu khu 210 xã Phước Diêm, tiểu khu 201b xã Phước Dinh; tiểu khu 200c và tiểu khu 200d xã Phước Minh; tiểu khu 206a - xã Phước Minh; tiểu khu 207 - xã Phước Dinh; Qua kiểm tra tại thực địa cho thấy đơn vị đã thực hiện trồng đúng vị trí, loài cây theo thiết kế. Hiện tại cây sinh trưởng, phát triển bình thường. Tỷ lệ sống trung bình khi kiểm tra 05 ô tiêu chuẩn là 96,04%.

* Đối với dự án trồng rừng thay thế: Đoàn thanh tra thực hiện kiểm tra tại các tiểu khu: Tiểu khu 210 xã Phước Diêm; tiểu khu 200c xã Phước Minh. Qua kiểm tra tại thực địa cho thấy đơn vị đã thực hiện trồng đúng vị trí, loài cây theo thiết kế. Hiện tại cây sinh trưởng, phát triển bình thường. Tỷ lệ sống trung bình khi kiểm tra 02 ô tiêu chuẩn là 96,5%.

Tính đến thời điểm kiểm tra, rừng trồng qua các năm 2016-2018 thuộc các chương trình, dự án vẫn đang trong chu kỳ đầu tư, chưa kết thúc công trình để tiến hành bàn giao theo quy định sau khi kết thúc đầu tư. Qua kiểm tra, đối chiếu hồ sơ lưu tại đơn vị cho thấy: Đối với DA Jica2 diện tích trồng và chăm sóc thực tế giảm so với hợp đồng là 36,76ha, dự án SP-RCC diện tích trồng và chăm sóc thực tế giảm so với hợp đồng là 87,44 ha. Về nội dung này theo BQL cho biết, do thời điểm bàn giao thực địa giữa chủ đầu tư và BQL để tiến hành trồng rừng và chăm sóc rừng thời tiết nắng hạn kéo dài, số lượng nhân công phục vụ công tác trồng rừng ít, do đó không đảm bảo tiến độ của chủ đầu tư đề ra nên diện tích trồng thực tế giảm; có trường hợp BQL đã thực hiện trồng, nhưng không đảm bảo mật độ theo thiết kế của chủ đầu tư nên bị loại khi tiến hành nghiệm thu A-B, đó cũng là nguyên nhân giảm diện tích.

4. Công tác khác: Trong 03 năm, Ban quản lý rừng đã tổ chức thực hiện hợp đồng bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng với diện tích 20 ha rừng

giống do Phân viện Lâm nghiệp Miền Nam giao khoán bảo vệ.

II. Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí 03 năm (2016- 2018)

Tổng hợp các nguồn kinh phí được cấp và thực hiện như sau:

1. Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững

S TT	Hạng mục thực hiện	ĐVT	Ngân sách cấp	Đã sử dụng	Còn lại
	Tổng số		192.294.195	192.294.195	0
1	Năm 2016 (Vốn đầu tư xây dựng bản)		192.294.195	192.294.195	0
-	Chăm sóc rừng năm 3 (Kế hoạch năm 2015)	đồng	19.737.260	19.737.260	
-	Cây phân tán (Hỗ trợ giống cây)	đồng	135.400.000	135.400.000	
-	Rà soát Dự án BV và PTR giai đoạn 2016-2020	đồng	24.904.935	24.904.935	
-	Quản lý dự án	đồng	12.252.000	12.252.000	
2	Năm 2017		0	0	0
3	Năm 2018		0	0	0

2. Nguồn vốn luân chuyển cây giống

Nguồn vốn luân chuyển cây giống thuộc dự án 327 năm 1998 chuyển tiếp với số tiền 110.000.000 đồng (tạm ứng cho đơn vị để thực hiện gieo ươm cây giống hàng năm phục vụ kế hoạch trồng rừng), theo báo cáo của Ban quản lý rừng, hiện nay đơn vị không có nhu cầu sử dụng.

3. Nguồn kinh phí tự chủ và không tự chủ (Vốn sự nghiệp)

S TT	Hạng mục kinh phí	Ngân sách cấp (VNĐ)	Sử dụng trong năm (VNĐ)	Số còn lại (VNĐ)	Số chuyển năm sau (VNĐ)
A	Năm 2016	2.564.596.123	2.502.846.500	61.749.623	59.449.589
01	Năm 2015 chuyển qua	53.860.940	46.145.600	7.715.340	7.715.340
	CCTL tự chủ	47.457.280	46.145.600	1.311.680	1.311.680
	CCTL Không tự chủ	6.403.660	0	6.403.660	6.403.660
02	Nguồn tự chủ cấp trong năm	1.552.147.700	1.522.247.700	29.900.000	29.900.000
03	Nguồn không tự chủ	958.587.483	934.453.200	24.134.283	21.834.249
B	Năm 2017	3.026.024.712	2.890.797.031	135.227.681	113.393.432
01	Năm 2016 chuyển qua	59.449.589	37.615.340	21.834.249	Hủy tại Kho bạc
	CCTL tự chủ	31.211.680	31.211.680	0	
	CCTL K tự chủ	28.237.909	6.403.660	21.834.249	

02	Nguồn tự chủ cấp trong năm	1.480.260.047	1.480.260.047	0	
	CCTL 10%	12.548.964	12.548.964	0	
03	Nguồn không tự chủ cấp trong năm	1.424.038.076	1.353.024.710	71.013.366	71.013.366
	CCTL 10%	49.728.036	7.347.970	42.380.066	42.380.066
C	Năm 2018	5.434.532.506	5.243.985.874	190.546.632	43.596.726
01	Năm 2017 chuyển qua	42.380.066	0	42.380.066	42.380.066
02	Nguồn tự chủ cấp trong năm	1.763.520.000	1.763.520.000	0	
	CCTL 10%	32.200.000	32.200.000	0	
03	Nguồn không tự chủ cấp trong năm	3.571.502.440	3.424.552.534	146.949.906	<i>Hủy tại Kho bạc</i>
	CCTL 10%	24.930.000	23.713.340	1.216.660	1.216.660

4. Nguồn kinh phí thực hiện các dự án (Nhà thầu thi công trồng rừng, chăm sóc rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và hoạt động khác)

S T T	Nguồn kinh phí	Số năm trước chuyển sang (VNĐ)	Nhận trong năm (VNĐ)	Sử dụng trong năm bao gồm cả nộp trả (VNĐ)	Còn lại (VNĐ)
I	Năm 2016	1.457.734.742	4.819.867.224	5.221.376.083	1.056.225.883
01	Dự án Jica2	1.441.282.292	1.893.312.763	3.226.926.500	107.668.555
02	Dự án SP-RCC	0	2.594.851.400	1.671.530.583	923.320.817
03	Trồng rừng thay thế	1.000.000	275.800.000	275.800.000	1.000.000
04	Bảo vệ vườn giống (20ha)	0	46.800.000	46.800.000	0
05	Tiền lãi ngân hàng	15.452.450	9.103.061	319.000	24.236.511
II	Năm 2017	1.056.225.883	8.836.948.283	4.555.501.382	5.066.949.958
01	Dự án Jica2	107.668.555	5.660.112.697	3.025.186.715	2.742.594.537
02	Dự án SP-RCC	923.320.817	2.337.691.560	893.117.299	2.097.172.252
03	Trồng rừng thay thế	1.000.000	735.823.880	577.223.880	159.600.000
04	Bảo vệ vườn giống (20ha)	0	57.600.000	18.000.000	39.600.000
05	Bán cây giống		41.170.000	41.170.000	0
06	Tiền lãi ngân hàng	24.236.511	4.550.146	803.488	27.983.169
III	Năm 2018	5.066.949.958	10.443.332.170	7.578.791.903	7.931.490.225
01	Thực hiện Dự án Jica2	2.742.594.537	4.325.368.596	3.766.888.985	3.301.074.148
02	Thực hiện Dự án SP-RCC	2.097.172.252	5.920.760.171	3.493.589.615	4.524.342.808
03	Thực hiện trồng	159.600.000	160.742.337	276.990.350	43.351.987

	rừng thay thế				
04	Bảo vệ vườn giống (20ha)	39.600.000	29.120.000	39.600.000	29.120.000

Kinh phí sử dụng trong năm 2017 của Dự án SP-RCC bao gồm cả nộp trả cho Ban quản lý dự án số tiền 270.722.826 đồng.

Qua kiểm tra việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí cho thấy, Ban quản lý rừng có mở sổ sách theo dõi đầy đủ các nguồn kinh phí, hồ sơ chứng từ đầy đủ, rõ ràng; tất cả các nguồn kinh phí đều được phản ánh vào báo cáo tài chính theo quy định.

Đối với kinh phí không tự chủ được cấp năm 2018 có hạng mục công trình sửa chữa nhà làm việc của Ban quản lý với số tiền được duyệt là 520.000.000 đồng, công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng và phê duyệt quyết toán với giá trị là 512.304.197 đồng. Qua kiểm tra cho thấy, công trình nhà làm việc thi công đúng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt; được nghiệm thu đưa vào sử dụng đúng thời gian.

C. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Trong ba năm qua, Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam đã tích cực phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức huyện Thuận Nam, chính quyền địa phương, cộng đồng, đơn vị nhận khoán tổ chức tuần tra, truy quét và tuyên truyền vận động nhân dân trong việc quản lý bảo vệ rừng, đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn nhiều vụ vi phạm, từ đó hạn chế tình trạng khai thác lâm sản, phá rừng làm rẫy trái phép.

- Đơn vị đã xây dựng và thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng theo phương án Phòng cháy chữa cháy rừng và chống phá rừng được phê duyệt. Công tác trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh, chăm sóc rừng trồng và một số hạng mục công trình lâm sinh khác cơ bản đúng theo kế hoạch giao.

- Đối với công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí, Ban quản lý rừng có mở sổ sách theo dõi đầy đủ các nguồn kinh phí, hồ sơ chứng từ đầy đủ, rõ ràng; tất cả các nguồn kinh phí đều được phản ánh vào báo cáo tài chính theo quy định.

2. Về khuyết điểm, tồn tại

2.1. Đối với việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng:

- Trong giai đoạn 2016-2018 đơn vị đã có nhiều cố gắng thực hiện nhiệm vụ được giao, tuy nhiên còn để xảy ra 42 vụ việc vi phạm các quy định về công tác quản lý, bảo vệ rừng trong rừng lâm phần được giao quản lý.

- Việc bàn giao hồ sơ 42 vụ việc vi phạm về quản lý, bảo vệ rừng cho Hạt Kiểm lâm huyện Thuận Nam, đơn vị không lập biên bản bàn giao hồ sơ, tang vật, phương tiện

vì phạm mà chỉ ký xác nhận vào thống kê thu thập tài liệu, tang vật là không đảm bảo chặt chẽ khi bàn giao và quản lý hồ sơ.

- Trong công tác trồng rừng đối với DA Jica2 diện tích trồng và chăm sóc thực tế giảm so với hợp đồng là 36,76ha, dự án SP-RCC diện tích trồng và chăm sóc thực tế giảm so với hợp đồng là 87,44 ha.

2.2. Đối với công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí

Đối với công trình sửa chữa nhà làm việc của Ban quản lý rừng, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 08/5/2018, Ban quản lý rừng không đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với 02 gói thầu, Thi công xây dựng công trình với giá gói thầu 451.759.208 đồng và Giám sát thi công xây dựng công trình với giá gói thầu 14.338.444 đồng có hình thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu rút gọn trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu là thực hiện không đúng theo quy định tại Điểm a và Điểm đ Khoản 1 Điều 8 Luật Đấu thầu.

3. Nguyên nhân và trách nhiệm

- Nguyên nhân khách quan: Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, trên địa bàn tỉnh và huyện Thuận Nam nói riêng nắng hạn liên tiếp xảy ra đã tác động bất lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng; mặt khác, đời sống nhân dân trong vùng còn nhiều khó khăn tạo áp lực cho công tác giữ rừng, ngăn chặn nạn phát rừng, chiếm đất lâm nghiệp để canh tác nông nghiệp của người dân.

- Nguyên nhân chủ quan: Các phòng tham mưu như: Phòng Kỹ thuật, Phòng HC-TH, Phòng QL-BVR và các cá nhân được giao phụ trách các phòng chuyên môn, tham mưu trực tiếp cho lãnh đạo nhưng chưa cập nhật, nắm bắt kịp thời diễn biến thời tiết, khí hậu, chưa chú ý nghiên cứu đầy đủ quy định của pháp luật trong lĩnh vực có liên quan.

- Trách nhiệm của những tồn tại, thiếu sót nói trên thuộc về bộ phận tham mưu như phòng Phòng Kỹ thuật, Phòng HC-TH, Phòng QL BVR và cá nhân được giao phụ trách.

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn ven biển Thuận Nam

- Tổ chức rút hợp kinh nghiệm trong việc để xảy ra các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, trong việc công khai minh bạch trong hoạt động đấu thầu xây dựng cơ bản.

- Tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các vụ phá rừng và lấn chiếm đất lâm nghiệp xảy trên lâm phần của đơn vị quản lý.

- Đối với nguồn vốn luân chuyển cây giống (thuộc dự án 327 năm 1998 chuyển tiếp) 110.000.000 đồng. Đề nghị Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam nộp trả ngân sách tỉnh.

2. Đối với Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Giao Thanh tra Sở phối hợp phòng Tổ chức cán bộ Sở theo dõi đơn đốc việc thực hiện các nội dung kết luận của Giám đốc Sở để kịp thời báo cáo Giám đốc Sở chỉ đạo Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn ven biển Thuận Nam khắc phục các tồn tại, hạn chế đã được kết luận trên.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ và chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Ban quản lý rừng ven biển Thuận Nam./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh (báo cáo);
- PGĐ Sở phụ trách;
- Ban QLRPHVB Thuận Nam;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Phòng TCCB;
- Lưu: VT, HSTT, TTr.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đặng Kim Cương